

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
Khoa KẾ TOÁN



TIỂU LUẬN
HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đề tài: Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại Học Đại Nam

Giảng viên hướng dẫn : **Vũ Đức Năng**

Sinh viên/Nhóm thực hiện : **Ngô Thị Mai**

Hoàng Ngọc Huyền

Bùi Thị Như Quỳnh

Hoàng Thị Hương Giang

Bùi Thị Huyền Trang

Lớp : **KT17_01** (nhóm 10)

Hà Nội, năm 2024

NHÓM SINH VIÊN THỰC HIỆN

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	Nhiệm vụ
1.	1774030120	Ngô Thị Mai	17-01	Mô hình và bảng hỏi nghiên cứu, tóm tắt bài báo, chỉnh sửa bài, xử lý dữ liệu spss.
2.	1774030075	Hoàng Ngọc Huyền	17-01	Giới thiệu về ý định khởi nghiệp, Đánh giá quyết định khởi nghiệp, nêu ra giải pháp.
3.	177403012	Bùi Thị Huyền Trang	17-01	Tóm tắt bài báo, làm khảo sát, tạo bìa
4.	1774030035	Hoàng Thị Hương Giang	17-01	Phương pháp nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, đóng góp mới, kết cấu nghiên cứu, nêu ra giải pháp.

5.	177403018	Bùi Thị Như Quỳnh	17-01	Lý do tiến hành nghiên cứu, đối tượng và khách thể, nhiệm vụ nghiên cứu, giới thiệu đối tượng nghiên cứu.
----	-----------	-------------------	-------	---

NHẬN XÉT

(Của giảng viên hướng dẫn)

.....

.....

.....

.....

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	Điểm	
				Điểm số	Điểm chữ
1.	1774030120	Ngô Thị Mai	17-01		
2.	1774030075	Hoàng Ngọc Huyền	17-01		
3.	1774030148	Bùi Thị Như Quỳnh	17-01		
4.	1774030035	Hoàng Thị Hương Giang	17-01		
5.	1774030162	Bùi Thị Huyền Trang	17-01		

Ngày ... tháng ... năm 20...

CÁN BỘ CHẤM THI 1

(Ký ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ CHẤM THI 2

(Ký ghi rõ họ tên)

Phần 1: Mở đầu

1.1. Lý do chọn đề tài

❖ Lý do chúng em chọn đề tài này là vì:

- Vấn đề khởi nghiệp đối với sinh viên ngành kinh tế : đang trở thành một chủ đề nóng bỏng vì tầm quan trọng của khởi nghiệp đối với phát triển kinh tế xã hội. Việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên sẽ giúp hiểu rõ hơn về nguồn lực, thách thức và cơ hội mà các sinh viên này đang đối mặt khi suy nghĩ về việc khởi nghiệp.
- Nghiên cứu này có thể đóng góp cho việc nghiên cứu về giáo dục đại học và phát triển nghề nghiệp, giúp các nhà quản lý giáo dục và các nhà lãnh đạo cơ quan chính phủ hiểu rõ hơn về tâm lý và động lực của sinh viên trong việc khởi nghiệp. Lựa chọn đề tài này phù hợp với bối cảnh cụ thể của Trường Đại học Đại Nam và với ngành kinh tế nói riêng. Việc tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên ở địa phương sẽ mang lại những kết quả có giá trị thực tiễn và có thể ứng dụng để cải thiện chính sách giáo dục và khuyến khích sự sáng tạo trong doanh nghiệp.
- Nghiên cứu này cũng đóng góp vào việc phát triển tri thức khoa học về lĩnh vực khởi nghiệp và quản lý kinh doanh, mở ra những hướng đi mới cho các nghiên cứu trong tương lai. Do vậy mục đích của nghiên cứu này là “ Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại Học Đại Nam”

1.2. Mục tiêu nghiên cứu và mục đích nghiên cứu

❖ Mục đích nghiên cứu:

- Nghiên cứu điều tra các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại Học Đại Nam

■

❖ Mục tiêu nghiên cứu:

+ Xác định yếu tố nào ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại Học Đại Nam

+ Đánh giá các yếu tố về mặt khách quan và chủ quan.

+ Chỉ ra được yếu tố nào ảnh hưởng nhiều nhất và tác động như thế nào đến quyết định khởi nghiệp của sinh viên

+ Thảo luận nhóm và đưa ra kết quả.

1.3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu.

❖ *Đối tượng nghiên cứu:*

➤ Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại Học Đại Nam

❖ *Khách thể nghiên cứu:*

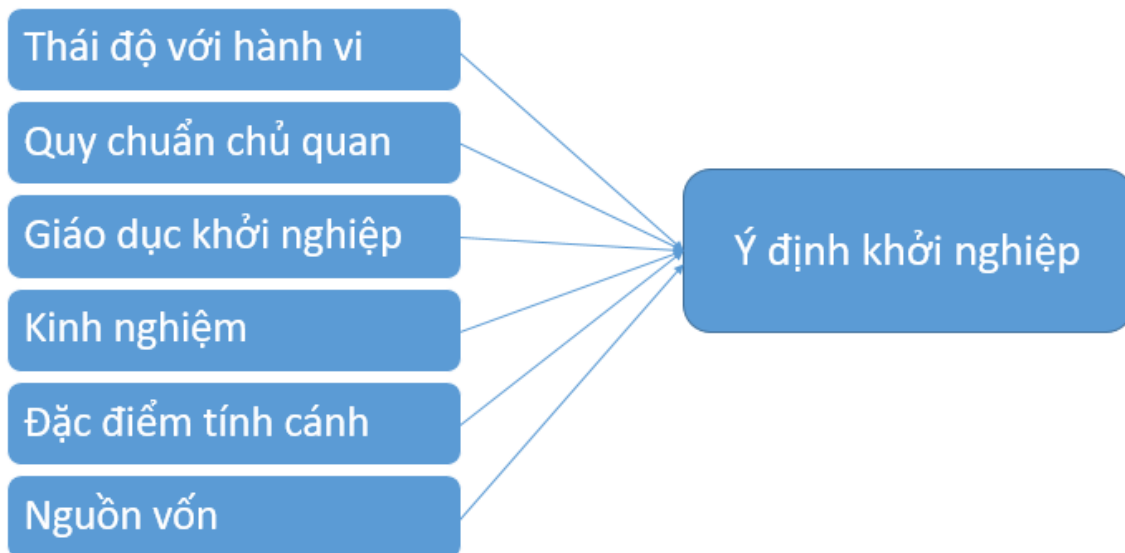
➤ sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại Học Đại Nam

1.4. Nhiệm vụ nghiên cứu

❖ Nghiên cứu về những yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại Học Đại Nam. Nhận thức, đánh giá thực trạng cũng như mức độ quan tâm của sinh viên đối với việc quyết định khởi nghiệp

○ Tìm hiểu sinh viên thường bắt đầu khởi nghiệp từ đâu và từ đó đưa ra những khuyến nghị giải pháp cụ thể.

1.5. Mô hình nghiên cứu.



1.6. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp sử dụng trong bài nghiên cứu là phương pháp nghiên cứu định lượng.

1.7. Đóng góp mới của nghiên cứu

- Những nghiên cứu đề xuất một mô hình lý thuyết và thang đo xác định các yếu tố tác động đến quyết định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế Đại học Đại Nam cũng như cung cấp một số kết quả kiểm định khách quan làm sáng tỏ các giả thuyết từ mô hình
- Gợi mở các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sinh viên khối ngành kinh tế Đại học Đại Nam
- **Kết cấu của nghiên cứu**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục..., bài nghiên cứu gồm 3 chương như sau:

Chương 1. Các cơ sở lý luận về ý định khởi nghiệp của sinh viên

Chương 2. Phân tích thực trạng ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

Chương 3. Giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

Phần 2: Nội dung

Chương 1. Các cơ sở lý luận về ý định khởi nghiệp của sinh viên

1.1. Lý luận chung về ý định khởi nghiệp của sinh viên

1.1.1. Ý định khởi nghiệp

- Ý định khởi nghiệp là sự quyết tâm và dự định của một cá nhân hoặc một nhóm người để thành lập và điều hành một doanh nghiệp mới. Đây là quá trình mạo hiểm nhằm tạo ra giá trị, khai thác cơ hội thị trường, và giải quyết các vấn đề xã hội qua các sản phẩm, dịch vụ hoặc công nghệ đổi mới.
- Ý định khởi nghiệp không chỉ đơn giản là việc tạo ra một doanh nghiệp, mà còn là việc thúc đẩy sự đổi mới và phát triển kinh tế xã hội. Nó đòi hỏi sự sáng tạo,

sự cố gắng và một nỗ lực không ngừng để biến các ý tưởng thành hiện thực và đóng góp vào cộng đồng.

1.1.2. Ý định khởi nghiệp của sinh viên

- Ý định khởi nghiệp của sinh viên là một sự quyết tâm và mục tiêu để thành lập và điều hành một doanh nghiệp mới trong khi họ đang còn ở trong giai đoạn học tập. Đây là một xu hướng ngày càng phổ biến trong giới trẻ hiện nay với nhiều lý do và động lực sau đây: sự sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp, học hỏi và phát triển cá nhân, thử thách và cơ hội... Tóm lại, ý định khởi nghiệp của sinh viên là một biểu hiện của sự sáng tạo, nhiệt huyết và quyết tâm. Đây là một xu hướng đáng chú ý và có nhiều lợi ích mà sinh viên có thể hưởng từ việc tham gia vào hoạt động khởi nghiệp từ khi còn đang trong quá trình học tập.

1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên

❖ Bao gồm:

- **Thái độ đối với hành vi** : ý định khởi nghiệp của sinh viên có vai trò quan trọng trong việc xác định sự thành công của một dự án khởi nghiệp. Sinh viên có thái độ tích cực và quyết tâm thường có khả năng vượt qua các thử thách và khó khăn trong quá trình khởi nghiệp. Họ sẵn sàng đối mặt với những rủi ro và không sợ thất bại.
- **Quy chuẩn chủ quan**: đối với hành vi ý định khởi nghiệp của sinh viên thường dựa trên những tiêu chuẩn và quan điểm cá nhân của từng người . Đánh giá dựa trên mức độ động lực và mục tiêu rõ ràng của sinh viên trong việc khởi nghiệp.
- **Giáo dục khởi nghiệp**: đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và thúc đẩy hành vi ý định khởi nghiệp của sinh viên. Giáo dục khởi nghiệp giúp sinh viên nhận thức và đánh giá các cơ hội kinh doanh có thể xuất hiện trong xã hội. Nhờ vào quá trình học tập và nghiên cứu, sinh viên có thể hình thành khả năng phát hiện và khai thác cơ hội mới.
- **Kinh nghiệm thực tế** : giúp sinh viên học hỏi từ các tình huống thực tế và các thử thách mà họ phải đối mặt khi khởi nghiệp. Những bài học này thường mang tính chất sâu sắc hơn so với lý thuyết và giúp sinh viên nắm bắt được các phương pháp và chiến lược hiệu quả hơn trong quản lý doanh nghiệp.

- **Đặc điểm tính cách**
- **Nguồn vốn**

❖ **Khi sinh viên quyết định khởi nghiệp, họ sẽ phải đối mặt với một số rủi ro tiềm ẩn như sau:**

- **1.2.1.Thiếu kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn:** Sinh viên thường chưa có đủ kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực kinh doanh mà họ lựa chọn. Điều này có thể dẫn đến các quyết định sai lầm và khó khăn trong quản lý doanh nghiệp
- **1.2.2.Thiếu vốn đầu tư:** Một trong những thách thức lớn nhất đối với sinh viên khởi nghiệp là thiếu vốn đầu tư đủ lớn để phát triển và duy trì hoạt động doanh nghiệp. Việc thiếu vốn có thể làm giảm khả năng cạnh tranh và dẫn đến sự thất bại của doanh nghiệp
- **1.2.3.Khó khăn trong tuyển dụng và quản lý nhân sự:** Sinh viên thường gặp khó khăn trong việc tuyển dụng và quản lý nhân sự, vì họ có thể thiếu kinh nghiệm và khả năng thu hút nhân tài. Điều này có thể dẫn đến vấn đề về hiệu suất lao động và sự bền vững của doanh nghiệp
- **1.2.4.Sự cạnh tranh và thị trường:** Đặc biệt là trong các ngành công nghệ và sáng tạo, sinh viên khởi nghiệp thường phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các công ty lớn và các start-up khác. Điều này đòi hỏi họ phải có sự đổi mới liên tục và khả năng thích nghi nhanh với thị trường.
- **1.2.5. Quản lý rủi ro và khả năng chịu đựng thất bại:** Khởi nghiệp luôn đi đôi với rủi ro, và sinh viên cần phải có khả năng quản lý rủi ro hiệu quả. Đồng thời, họ cũng cần có sự sẵn sàng và khả năng chịu đựng thất bại, vì không phải mọi dự án khởi nghiệp đều thành công từ lần đầu tiên.
- **1.2.6. Áp lực học tập và đời sống cá nhân:** Việc khởi nghiệp có thể ảnh hưởng đến hiệu suất học tập của sinh viên và đời sống cá nhân của họ. Việc cân bằng giữa học tập, công việc và cuộc sống cá nhân là một thử thách lớn đối với sinh viên khởi nghiệp.

1.3. Mô hình và bảng hỏi nghiên cứu

1.4.1.2. Mô hình nghiên cứu

- Từ những giả thuyết trên, đề tài đề xuất mô hình nghiên cứu gồm 6 nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại Nam, gồm: thái độ đối với hành vi, quy chuẩn chủ quan, giáo dục khởi nghiệp, kinh nghiệm ,đặc điểm tính cách, nguồn vốn (Hình).

1.4.2. Bảng hỏi nghiên cứu

❖ Bảng khảo sát sử dụng thang đo Likert 5 mức độ:

1	2	3	4	5
Rất không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Rất đồng ý

THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI HÀNH VI		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
TD1	Việc trở thành chủ doanh nghiệp đối với anh/chị có lợi hơn bất lợi	1	2	3	4	5
TD2	Chủ doanh nghiệp là một nghề rất hấp dẫn đối với anh/chị	1	2	3	4	5
TD3	Anh/chị sẽ rất hài lòng khi làm chủ doanh nghiệp	1	2	3	4	5
TD4	Trong số các lựa chọn công việc khác nhau, anh/chị thích kinh doanh	1	2	3	4	5
QUY CHUẨN CHỦ QUAN		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
QC1	Gia đình luôn ủng hộ công việc của anh/chị	1	2	3	4	5
QC2	Bạn bè luôn ủng hộ công việc của anh/chị	1	2	3	4	5
QC3	Những người quan trọng khác đối với anh/chị luôn ủng hộ công việc của anh/chị	1	2	3	4	5
QC4	Anh/chị biết nhiều doanh nhân thành công	1	2	3	4	5
QC5	Anh/chị rất ngưỡng mộ những doanh nhân thành công	1	2	3	4	5
GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
GD1	Tại trường đại học, anh/chị được cung cấp những kiến thức cần thiết về kinh doanh	1	2	3	4	5

GD2	Tại trường đại học, anh/chị được cung cấp những kỹ năng cần thiết về kinh doanh	1	2	3	4	5
GD3	Tại trường đại học, anh/chị được khuyến khích tham gia cuộc thi “Sinh viên khởi nghiệp”	1	2	3	4	5
GD4	Anh/chị thường tự học để có kiến thức kinh doanh	1	2	3	4	5
KINH NGHIỆM		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
KN1	Anh/chị đã từng làm công việc liên quan đến kinh doanh	1	2	3	4	5
KN2	Anh/chị đã từng tham gia công tác quản lý (cán bộ lớp, cán bộ Đoàn,...)	1	2	3	4	5
KN3	Anh/chị đã từng là thành viên của câu lạc bộ kinh doanh trong hoặc ngoài nhà trường	1	2	3	4	5
KN4	Anh/chị đã từng tham gia các buổi hội thảo về kinh doanh	1	2	3	4	5
ĐẶC ĐIỂM TÍNH CÁCH		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
TC1	Anh/chị là người dám đối mặt với trở ngại	1	2	3	4	5
TC2	Anh/chị là người rất giỏi trong việc xác định các cơ hội	1	2	3	4	5
TC3	Anh/chị là người thích tự lập	1	2	3	4	5
NGUỒN VỐN		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
NV1	Anh/chị có thể vay, mượn tiền từ gia đình và bạn bè	1	2	3	4	5
NV 2	Anh/chị có thể vay tiền từ các tổ chức tài chính (như ngân hàng, quỹ tín dụng)	1	2	3	4	5
NV 3	Anh/chị có thể tích lũy vốn từ việc làm thêm hoặc tiết kiệm	1	2	3	4	5

NV 4	Địa phương anh/chị có các chính sách hỗ trợ vốn cho thanh niên	1	2	3	4	5
Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
YD1	Mục tiêu nghề nghiệp của anh/chị là khởi sự kinh doanh	1	2	3	4	5
YD2	Anh/chị có mong muốn mạnh mẽ để khởi sự kinh doanh trong tương lai	1	2	3	4	5
YD3	Nếu có cơ hội, anh/chị sẽ khởi sự kinh doanh	1	2	3	4	5

Câu hỏi thông tin cá nhân:

Câu 1: Giới tính của bạn là

1. Nam
2. Nữ

Câu 2: Bạn đang là sinh viên năm thứ mấy:

1. Năm nhất
2. Năm hai
3. Năm ba
4. Năm tư
5. Trên năm thứ 4

Câu 3: Bạn đang học ngành:

1. Thương mại điện tử và kinh tế số
2. Quản trị kinh doanh – marketing
3. Logistics
4. Kế toán
5. Tài chính ngân hàng

2.4.3. Mô hình nghiên cứu

2.4.3.1 Cơ sở lý thuyết

❖ Thái độ đối với hành vi

- ✓ Thái độ đối với hành vi ý định khởi nghiệp của sinh viên có vai trò quan trọng trong việc xác định sự thành công của một dự án khởi nghiệp. Sinh viên có thái độ tích cực và quyết tâm thường có khả năng vượt qua các thử thách và khó khăn trong quá trình khởi nghiệp. Họ sẵn sàng đối mặt với những rủi ro và không sợ thất bại. Sự tự tin trong khả năng của bản thân và khả năng tự khởi động là yếu tố quan trọng giúp sinh viên đưa ý tưởng của mình từ giai đoạn ý tưởng đến thực tế. Sinh viên có thái độ học hỏi và sẵn sàng thích nghi với các thay đổi trong môi trường kinh doanh sẽ có khả năng phát triển nhanh chóng và duy trì sự cạnh tranh.
- *Giả thuyết H1:* Thái độ tích cực đối với việc học hỏi và phát triển tư duy kinh doanh và quản lý giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các khía cạnh quản lý doanh nghiệp và ra những quyết định có trách nhiệm.

❖ Quy chuẩn chủ quan

- ✓ Quy chuẩn chủ quan đối với hành vi ý định khởi nghiệp của sinh viên thường dựa trên những tiêu chuẩn và quan điểm cá nhân của từng người. Đánh giá dựa trên mức độ động lực và mục tiêu rõ ràng của sinh viên trong việc khởi nghiệp. Sinh viên có một mục tiêu cụ thể và tham vọng về việc xây dựng và phát triển doanh nghiệp hay không, xem xét mức độ sáng tạo và đổi mới của sinh viên trong các ý tưởng kinh doanh và giải pháp mà họ đưa ra.
- *Giả thuyết H2:* "Sự đánh giá về ý định khởi nghiệp của sinh viên phụ thuộc chủ yếu vào những quan điểm và giá trị cá nhân của từng người đánh giá, cũng như các tiêu chuẩn về sáng tạo, quản lý, và ảnh hưởng xã hội."

❖ Giáo dục khởi nghiệp

- ✓ Giáo dục khởi nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và thúc đẩy hành vi ý định khởi nghiệp của sinh viên. Giáo dục khởi nghiệp giúp sinh viên nhận thức và đánh giá các cơ hội kinh doanh có thể xuất hiện trong xã hội. Nhờ

vào quá trình học tập và nghiên cứu, sinh viên có thể hình thành khả năng phát hiện và khai thác cơ hội mới. Giáo dục khởi nghiệp khuyến khích sinh viên phát triển tính sáng tạo và khả năng đổi mới trong việc tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới, giải quyết các vấn đề xã hội và doanh nghiệp.

- *Giả thuyết H3:* "Sinh viên được đào tạo và giáo dục về khởi nghiệp sẽ có khả năng và ý định khởi nghiệp cao hơn so với những sinh viên không nhận được giáo dục này."

❖ **Kinh nghiệm**

- ✓ Kinh nghiệm thực tế giúp sinh viên học hỏi từ các tình huống thực tế và các thử thách mà họ phải đối mặt khi khởi nghiệp. Những bài học này thường mang tính chất sâu sắc hơn so với lý thuyết và giúp sinh viên nắm bắt được các phương pháp và chiến lược hiệu quả hơn trong quản lý doanh nghiệp. Kinh nghiệm thực tế giúp sinh viên học hỏi từ các tình huống thực tế và các thử thách mà họ phải đối mặt khi khởi nghiệp. Những bài học này thường mang tính chất sâu sắc hơn so với lý thuyết và giúp sinh viên nắm bắt được các phương pháp và chiến lược hiệu quả hơn trong quản lý doanh nghiệp.
- *Giả thuyết H4:* "Sinh viên có kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực khởi nghiệp sẽ có khả năng và ý định khởi nghiệp cao hơn so với sinh viên chỉ có kiến thức lý thuyết mà thiếu kinh nghiệm thực tế."

❖ **Đặc điểm tính cách**

- ✓ *kiên nhẫn, sự sáng tạo, khả năng tạo lực áp lực, sự kiên nhẫn và quyết đoán, tính cách lãnh đạo*
- *Sự Giả thuyết H5:* Các đặc điểm tính cách như sự kiên nhẫn, sự sáng tạo, khả năng chịu đựng áp lực và sự kiên trì ảnh hưởng đến hành vi ý định khởi nghiệp của sinh viên

❖ **Nguồn vốn**

- ✓ Nguồn vốn đáp ứng giúp sinh viên thực hiện các ý tưởng kinh doanh một cách hiệu quả và nhanh chóng. Điều này giúp giảm thiểu rủi ro và tăng tính khả thi của dự án khởi nghiệp. Nguồn vốn đủ lớn cho phép sinh viên mở rộng quy mô hoạt động và mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh, từ đó tăng cơ hội tiếp cận thị trường và tăng trưởng doanh thu. Nguồn vốn đáp ứng là yếu tố tích cực hóa hành vi ý định khởi nghiệp của sinh viên, giúp họ tự tin hơn và sẵn sàng đối mặt với các thử thách và rủi ro trong quá trình khởi nghiệp.

- Giả thuyết H6: "Sự có mặt của nguồn vốn đủ lớn và phù hợp sẽ tăng khả năng và ý định khởi nghiệp của sinh viên."

Tiểu kết chương 1

Chương 2: phân tích thực trạng ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại Học Đại Nam

2.1Giới thiệu chung về khối ngành kinh tế, Trường Đại Học Đại Nam

➤ Trường Đại học Đại Nam (DaiNam University) là một trong những cơ sở giáo dục đào tạo tư thục hàng đầu tại Việt Nam, nổi tiếng với các chương trình đào tạo đa ngành và chất lượng...Trong đó, phải nhắc tới khối ngành kinh tế của trường, bởi hiện nay có rất nhiều sinh viên đã lựa chọn và theo đuổi khối ngành học này. Khối ngành kinh tế của Đại học Đại Nam bao gồm nhiều chuyên ngành như Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Tài chính-Ngân hàng, Kế toán và Marketing.

✓ Các chuyên ngành nổi bật trong khối ngành kinh tế của trường như :

1.Quản trị kinh doanh: Chương trình đào tạo sinh viên kiến thức và kỹ năng quản lý, lãnh đạo. Sinh viên có cơ hội tham gia thực tập tại các doanh nghiệp, giúp nâng cao kinh nghiệm thực tiễn.

2.Kinh tế: Đào tạo chuyên sâu và theo sát những thực tiễn về kinh tế...Sinh viên có khả năng học tập, nâng cao trình độ, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm từ các hoạt động thực tiễn để trở thành chuyên gia, các nhà lãnh đạo có khả năng dẫn dắt và năng lực thích ứng cao.

3.Tài chính-Ngân hàng: Chương trình đào tạo bao gồm các môn học như tài chính doanh nghiệp, quản trị rủi ro, và đầu tư. Sinh viên tập trung vào các môn học về quản lý tài chính, phân tích tài chính và ngân hàng.

4. Kế toán: Được đào tạo chuyên sâu về kế toán tài chính, kế toán quản trị, kiểm toán, thuế. Sinh viên được trang bị kỹ năng sử dụng các phần mềm kế toán và các phương pháp kế toán hiện đại.

5. Marketing: Chương trình đào tạo sâu về chiến lược marketing, nghiên cứu thị trường và quản trị thương hiệu. Ngoài ra còn có các khóa học thực tế và dự án giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc nhóm và sáng tạo trong kinh doanh.

➤ Như vậy, khối ngành kinh tế tại trường Đại học Đại Nam mang đến cho sinh viên một môi trường học tập chất lượng, cơ hội phát triển bản thân và sự nghiệp rộng mở. Với sự đầu tư bài bản từ cơ sở vật chất đến đội ngũ giảng viên, Đại Nam đang ngày càng khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực giáo dục Đại học tại Việt Nam.

2.1.1 Khái quát chung về nhà trường và khối ngành kinh tế

➤ Lịch sử và Phát triển:

- Trường Đại học Đại Nam được thành lập vào ngày 14 tháng 11 năm 2007 theo Quyết định số 1536/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
- Trường đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển và không ngừng mở rộng quy mô cũng như nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường

➤ Cơ sở vật chất:

- Trường có cơ sở vật chất hiện đại với các phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện, và các khu vực thể thao cho các bạn sinh viên
- Cơ sở chính của trường nằm tại Hà Nội, mang lại sự thuận tiện cho các sinh viên trong việc học tập và nghiên cứu trong nhà trường

➤ Chương trình đào tạo:

- Trường cung cấp đa dạng các chương trình đào tạo ở các bậc đại học và sau đại học, bao gồm các ngành đa dạng như Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật, Ngôn ngữ, và nhiều ngành khác
- Chương trình đào tạo được thiết kế theo chuẩn quốc tế, nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và giúp sinh viên có cơ hội hội nhập với toàn cầu

➤ Đội ngũ giảng viên:

- Đội ngũ giảng viên của trường bao gồm các giáo sư, tiến sĩ, và các chuyên gia có kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực khác nhau ở trường.
- Giảng viên không chỉ giảng dạy mà còn tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập trong trường

➤ Hợp tác quốc tế:

- Trường Đại học Đại Nam đã thiết lập mối quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học và tổ chức với các quốc tế, tạo điều kiện cho sinh viên và giảng viên tiếp cận với các chương trình trao đổi, du học, và nghiên cứu quốc tế

➤ Hoạt động ngoại khóa:

- Trường tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ, và sự kiện văn hóa, thể thao để phát triển kỹ năng mềm và nâng cao trải nghiệm học tập cho sinh viên
- Đại học Đại Nam không ngừng phấn đấu để trở thành một trong những trường đại học hàng đầu tại Việt Nam, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đất nước.

➤ **VỀ KHỐI NGÀNH KINH TẾ CỦA TRƯỜNG**

❖ **Có các ngành như :**

- Kế toán
- Quản trị kinh doanh
- Marketing
- Kinh tế số
- Tài chính ngân hàng
- Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Kinh doanh quốc tế
- Thương mại điện tử

❖ **Các chương trình đào tạo của trường**

- Chương trình học hiện đại
- Phương pháp giảng dạy hiện đại
- Học liệu đa dạng

❖ **Đội ngũ giảng viên**

- Chuyên môn cao
- Còn tham gia và nghiên cứu thực tiễn phong phú truyền đạt cho các sinh viên

❖ **Cơ hội làm việc**

- Doanh nghiệp được trong và cả ngoài nước
- Được trang bị kỹ càng để khởi nghiệp
- Được giảng dạy và nghiên cứu cùng các giảng viên

❖ **Hợp tác và trao đổi quốc tế**

- Chương trình trao đổi sinh viên với toàn cầu
- Hội thảo và hội nghị với quốc tế

❖ **Hoạt động ngoại khóa**

- Các câu lạc bộ kinh tế: Tổ chức các buổi thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm, và các cuộc thi liên quan đến kinh tế.
- Hội thảo chuyên đề: Mời các chuyên gia, doanh nhân đến chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm.
- Thực tập và tham quan doanh nghiệp
- Trong Khối ngành Kinh Tế tại trường không chỉ tập trung vào việc truyền đạt kiến thức mà còn chú trọng đến việc phát triển toàn diện kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn cho sinh viên của trường giúp họ sẵn sàng đối mặt với những thách thức trong môi trường kinh doanh hiện đại trong và ngoài nước

2.1.2. Giới thiệu về sinh viên khối ngành kinh tế

➤ **Chương Trình Đào Tạo**

- Sinh viên khối ngành kinh tế tại Đại học Đại Nam được đào tạo theo chương trình bài bản, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Các ngành đào tạo chủ yếu bao gồm:
 - Quản trị Kinh doanh: Sinh viên được học về các nguyên lý quản trị, quản lý tài chính, nhân sự, marketing, và chiến lược kinh doanh.
 - Kinh tế Quốc tế: Chương trình đào tạo giúp sinh viên hiểu rõ về các vấn đề kinh tế toàn cầu, thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế và quan hệ kinh tế quốc tế.
 - Tài chính - Ngân hàng: Sinh viên học về hệ thống tài chính, ngân hàng, quản lý rủi ro tài chính, đầu tư và thị trường chứng khoán.
 - Kế toán: Chương trình đào tạo chuyên sâu về kế toán tài chính, kế toán quản trị, kiểm toán và hệ thống thông tin kế toán.
 - Marketing: Sinh viên được trang bị kiến thức về nghiên cứu thị trường, phát triển sản phẩm, quảng cáo và quản lý thương hiệu.

2.2 Thống kê mô tả mẫu khảo sát

Dựa vào kết quả phân tích thống kê mẫu khảo sát ta có:

Bảng 2.1. Bảng thống kê mẫu khảo sát

TT	Nội dung	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
1	Giới tính	Nữ	110	70,7%
		Nam	45	29,3%
		Tổng	155	100%
2	Niên khoá	Năm nhất	99	63,1%
		Năm 2	26	16,6%
		Năm 3	18	11,5%
		Năm 4	10	6,4%
		Khác	2	2,5%
		Tổng	155	100%
3	Ngành học	Thương mại điện tử và kinh tế số	26	17,2%
		Quản trị kinh doanh –marketing	30	19,7%
		logistics	19	12,1%
		Kế toán	57	36,3%
		Tài chính ngân hàng	23	14,6%
		Tổng	155	100%

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Từ bảng số liệu cho thấy xét về giới tính thì sinh viên nữ chiếm tương đối trong mẫu khảo sát. Kết quả cơ cấu mẫu khảo sát như trên cho thấy rằng sinh viên năm nhất, năm 2 chiếm đa số trong khảo sát yếu tố ảnh hưởng quyết định khởi nghiệp của sinh viên Đại Nam, để đảm bảo các kết quả nghiên cứu là đáng tin cậy.

Bảng 2.2. Bảng thống kê trung bình nhân tố...

STT	Nội dung	Cỡ mẫu	Giá trị trung bình
1	Việc trở thành chủ doanh nghiệp đối với anh/chị có lợi hơn bất lợi	155	3.57
2	Chủ doanh nghiệp là một nghề rất hấp dẫn đối với anh/chị	155	3.65
3	Anh/chị sẽ rất hài lòng khi làm chủ doanh nghiệp	155	3.79
4	Trong số các lựa chọn công việc khác nhau, anh/chị thích kinh doanh	155	3.71
5	Gia đình luôn ủng hộ công việc của anh/chị	155	3.77
6	Bạn bè luôn ủng hộ công việc của anh/chị	155	3.87
7	Những người quan trọng khác đối với anh/chị luôn ủng hộ công việc của anh/chị	155	3.80
8	Anh/chị biết nhiều doanh nhân thành công	155	3.48
9	Anh/chị rất ngưỡng mộ những doanh nhân thành công	155	3.79
10	Tại trường đại học, anh/chị được cung cấp những kiến thức cần thiết về kinh doanh	155	3.68
11	Tại trường đại học, anh/chị được cung cấp những kỹ năng cần thiết về kinh doanh	155	3.59
12	Tại trường đại học, anh/chị được khuyến khích tham gia cuộc thi “Sinh viên khởi nghiệp”	155	3.57
13	Anh/chị thường tự học để có kiến thức kinh doanh	155	3.68
14	Anh/chị đã từng làm công việc liên quan đến kinh doanh	155	3.62
15	Anh/chị đã từng tham gia công tác quản lý (cán bộ lớp, cán bộ Đoàn,...)	155	3.26

16	Anh/chị đã từng là thành viên của câu lạc bộ kinh doanh trong hoặc ngoài nhà trường	155	3.16
17	Anh/chị đã từng tham gia các buổi hội thảo về kinh doanh	155	3.57
18	Anh/chị là người dám đối mặt với trở ngại	155	3.77
19	Anh/chị là người rất giỏi trong việc xác định các cơ hội	155	3.54
20	Anh/chị là người thích tự lập	155	3.77
21	Anh/chị có thể vay, mượn tiền từ gia đình và bạn bè	155	3.67
22	Anh/chị có thể vay tiền từ các tổ chức tài chính (như ngân hàng, quỹ tín dụng)	155	3.56
23	Anh/chị có thể tích lũy vốn từ việc làm thêm hoặc tiết kiệm	155	3.86
24	Địa phương anh/chị có các chính sách hỗ trợ vốn cho thanh niên	155	3.40

(Nguồn: kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

2.3. Thực trạng các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

2.3.1. Nhân tố thái độ đối với hành vi

Descriptive Statistics					
	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
TD1	155	1	5	3.57	1.400
TD2	155	1	5	3.65	1.308
TD3	155	1	5	3.79	1.382
TD4	155	1	5	3.71	1.358
Valid N (listwise)	155				

Qua bảng số liệu trên ta có thể thấy rằng nhân tố thái độ hành vi có tác động đến quyết định khởi nghiệp của sinh viên.

2.3.2. Nhân tố quy chuẩn chủ quan

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
QC1	155	1	5	3.77	1.268
QC2	155	1	5	3.87	1.278
QC3	155	1	5	3.80	1.336
QC4	155	1	5	3.48	1.383
QC5	155	1	5	3.79	1.361
Valid N (listwise)	155				

Qua bảng số liệu trên ta có thể thấy rằng nhân tố quy chuẩn chủ quan có tác động đến quyết định khởi nghiệp của sinh viên.

2.3.3. Nhân tố giáo dục khởi nghiệp

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
GD1	155	1	5	3.68	1.399
GD2	155	1	5	3.59	1.385
GD3	155	1	5	3.57	1.396
GD4	155	1	5	3.68	1.299
Valid N (listwise)	155				

Qua bảng số liệu trên ta có thể thấy rằng nhân tố giáo dục khởi nghiệp có tác động đến quyết định khởi nghiệp của sinh viên.

2.3.4. Nhân tố kinh nghiệm

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
KN1	155	1	5	3.62	1.340
KN2	155	1	5	3.26	1.415
KN3	155	1	5	3.16	1.466
KN4	155	1	5	3.57	1.372
Valid N (listwise)	155				

Qua bảng số liệu trên ta có thể thấy rằng nhân tố kinh nghiệm có tác động đến quyết định khởi nghiệp của sinh viên.

2.3.5. Đặc điểm tính cách

Descriptive Statistics					
	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
TC1	155	1	5	3.77	1.327
TC2	155	1	5	3.54	1.397
TC3	155	1	5	3.77	1.357
Valid N (listwise)	155				

Qua bảng số liệu trên ta có thể thấy rằng nhân tố tính cách có tác động đến quyết định khởi nghiệp của sinh viên.

2.3.6. Nguồn vốn

Descriptive Statistics					
	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
NV1	155	1	5	3.67	1.344
NV2	155	1	5	3.56	1.396
NV3	155	1	5	3.86	1.168
NV4	155	1	5	3.40	1.422
Valid N (listwise)	155				

Qua bảng số liệu trên ta có thể thấy rằng nhân tố nguồn vốn có tác động đến quyết định khởi nghiệp của sinh viên.

2.3.7. Ý định khởi nghiệp

Descriptive Statistics					
	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
YD1	155	1	5	3.52	1.420
YD2	155	1	5	3.69	1.412
YD3	155	1	5	3.72	1.380
Valid N (listwise)	155				

Qua bảng số liệu trên ta có thể thấy rằng nhân tố này có tác động đến quyết định khởi nghiệp của sinh viên.

2.4. Mức độ và chiều hướng tác động của các nhân tố đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

2.4.1. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Trình bày kết quả kiểm định như sau:

TT	Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai của thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan với biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
----	---------------	--	--	---	---

Yếu tố 1: Thái độ hành vi

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item- Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
TD1	11.14	11.694	.722	.799
TD2	11.06	12.113	.741	.792
TD3	10.92	12.072	.686	.815
TD4	11.00	12.688	.624	.840

Yếu tố 2: Quy chuẩn chủ quan

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item- Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
QC1	14.94	17.964	.634	.800
QC2	14.84	17.876	.637	.799
QC3	14.91	17.719	.612	.806
QC4	15.23	17.192	.635	.800
QC5	14.92	17.207	.649	.796

Yếu tố 3: Giáo dục khởi nghiệp

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item- Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
GD1	10.83	10.933	.669	.738
GD2	10.93	10.975	.674	.736
GD3	10.95	11.854	.549	.796
GD4	10.84	11.915	.611	.767

Yếu tố 4: Kinh nghiệm

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item- Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
KN1	10.00	10.338	.562	.625
KN2	10.35	11.555	.356	.744
KN3	10.46	9.289	.620	.583
KN4	10.05	10.602	.503	.659

Yếu tố 5: Đặc điểm tính cách

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item- Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
TC1	7.31	5.994	.689	.734
TC2	7.54	5.523	.725	.695
TC3	7.32	6.270	.606	.816

Yếu tố 6: Nguồn vốn

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
NV1	10.83	10.236	.435	.718
NV2	10.94	8.996	.578	.634
NV3	10.63	9.753	.639	.612
NV4	11.10	9.724	.456	.710

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Như vậy, qua phân tích trên ta thấy được có 5 biến độc lập và 1 biến phụ thuộc đều phù hợp với quyết định khởi nghiệp của sinh viên. Từ đó, ta tiếp tục phân tích nhân tố khám phá.

2.4.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Bảng KMO và Barlett test

KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.903
Approx. Chi-Square		2718.044
Bartlett's Test of Sphericity	df	351
	Sig.	.000

Bảng Total Variance

Total Variance Explained									
Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	12.251	45.373	45.373	12.251	45.373	45.373	5.356	19.836	19.836
2	1.709	6.331	51.703	1.709	6.331	51.703	3.851	14.264	34.100
3	1.266	4.690	56.393	1.266	4.690	56.393	3.836	14.209	48.309
4	1.105	4.093	60.487	1.105	4.093	60.487	2.801	10.375	58.684
5	1.054	3.902	64.389	1.054	3.902	64.389	1.540	5.705	64.389
6	.969	3.587	67.977						
7	.900	3.334	71.311						
8	.840	3.110	74.421						
9	.701	2.594	77.015						
10	.680	2.517	79.532						
11	.626	2.320	81.852						
12	.605	2.240	84.092						
13	.508	1.882	85.974						
14	.468	1.733	87.707						
15	.452	1.675	89.382						
16	.405	1.499	90.881						
17	.356	1.320	92.200						
18	.331	1.227	93.427						
19	.274	1.015	94.442						
20	.265	.981	95.423						
21	.231	.857	96.280						
22	.222	.821	97.101						
23	.193	.713	97.814						
24	.188	.695	98.509						
25	.163	.605	99.114						
26	.134	.496	99.610						
27	.105	.390	100.000						
Extraction Method: Principal Component Analysis.									

Bảng Rotated Matrix (Ma trận xoay)

Rotated Component Matrix^a

	Component				
	1	2	3	4	5
QC2	.782				
NV3	.712				
TD2	.688				
QC3	.666				
YD3	.666				
TD3	.626				
TD1	.600				
QC1	.555				
TC3					
GD1					
NV1					
QC5		.686			
GD3		.670			
QC4		.585	.510		
GD4		.580			
GD2		.541			
TC2			.764		
YD1			.668		
YD2			.590		
TC1			.529		
TD4					
KN1					
KN3				.726	
KN4				.675	
NV2				.597	
NV4			.525	.530	
KN2					.776

Extraction Method: Principal Component Analysis.

Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization.

a. Rotation converged in 10 iterations.

Như vậy, kết quả phân tích EFA cho giá trị $KMO = 0.903$ (thỏa mãn $0.5 < KMO < 1$) Giá trị Sig. = 0.000 (thỏa mãn < 0.05). Hội tụ về 2 nhân tố phù hợp với mô hình lý thuyết. Cần loại bỏ những biến : TC3, GD1, NV1, TD4, KN1

2.4.3. Phân tích hồi quy tuyến tính

Model Summary ^b					
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.779 ^a	.606	.598	.76856	1.996
a. Predictors: (Constant), GD, TD, QC					
b. Dependent Variable: YD					

Coefficients ^a							
Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	.097	.242		.400	.690	
	TD	.287	.093	.268	3.095	.002	.348
	QC	.461	.112	.391	4.120	.000	.290
	GD	.211	.086	.190	2.456	.015	.435
a. Dependent Variable: YD							

ANOVA ^a						
Model	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.	
1	Regression	137.277	3	45.759	77.469	.000 ^b
	Residual	89.192	151	.591		
	Total	226.469	154			
a. Dependent Variable: YD						
b. Predictors: (Constant), GD, TD, QC						

Công thức: $GC = 0,391 \cdot DV + 0,190 \cdot SD$

Tiểu kết chương 2

Chương 3: Giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế , Trường Đại Học Đại Nam

3.1. Giải pháp về nghiên cứu thị trường và lên kế hoạch kinh doanh

- Nắm rõ nhu cầu thực tế và xu hướng trong lĩnh vực kinh tế mình đang quan tâm
- Lên kế hoạch kinh doanh chi tiết để xác định mục tiêu và hướng đi cụ thể trong từng giai đoạn khởi nghiệp của bản thân

3.2. Giải pháp về tìm kiếm nguồn vốn và hỗ trợ tài chính

- Tìm kiếm các nguồn vốn có thể vay vốn từ các ngân hàng , người thân , bạn bè ...
- Tham gia các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp của các tổ chức , doanh nghiệp hoặc chính phủ

3.3. Giải pháp về pháp triển kỹ năng và kiến thức

- Cải thiện kỹ năng quản lý lãnh đạo và kỹ năng kinh doanh thông qua các khóa học và hội thảo
- Học hỏi những thế hệ đi trước những bước tiến của họ và cải thiện những lỗi mà họ mắc phải để hoàn thiện hơn trong kế hoạch kinh doanh củ bản thân

3.4. Giải pháp về tận dụng công nghệ và truyền thông

- Sử dụng công nghệ tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và tăng cường khả năng tiếp cận khách hàng
- Xây dựng chiến lược truyền thông hiệu quả để xây dựng thương hiệu và thu hút khách hàng hướng

Tiểu kết chương 3

Vấn đề khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế đang trở thành đề tài nóng bỏng vì tầm quan trọng của khởi nghiệp đối với sự phát triển của kinh tế xã hội. Việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên sẽ giúp hiểu rõ hơn về nguồn lực, thách thức và cơ hội mà các sinh viên này đang đối mặt khi suy nghĩ về việc khởi nghiệp. Nghiên cứu này có thể đóng góp cho việc nghiên cứu về giáo dục đại học và phát triển nghề nghiệp, giúp các nhà quản lý giáo dục và các nhà lãnh đạo cơ quan chính phủ hiểu rõ hơn về tâm lý và động lực của sinh viên trong việc khởi nghiệp.

Đề tài khảo sát bằng bảng hỏi cho 155 sinh viên tại Trường Đại Học Đại Nam và đã sử dụng mô hình phân tích nhân tố khám phá cho việc xác định yếu tố ảnh hưởng tới quyết định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của sinh viên Trường Đại Học Đại Nam . Bao gồm thái độ hành vi , quy chuẩn chủ quan , giáo dục khởi nghiệp, kinh nghiệm , tính cách , nguồn vốn
Trên cơ sở các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế

Trong bài đã thể hiện hết quy trình nghiên cứu , thiết kế nghiên cứu sao cho theo trình tự một công trình nghiên cứu khoa học cho mô hình lý thuyết. Bên cạnh đó cũng đã thực hiện quy trình nghiên cứu theo thiết kế đã đề ra cùng với phần mềm SPSS , bài báo cáo đã đưa ra kết quả.

Tài liệu tham khảo

1. https://www.researchgate.net/publication/352350643_Nghien_cuu_cac_yeu_to_a_nh_huong_y_dinh_khoi_nghiep_cua_sinh_vien_Truong_Dai_hoc_Tien_Giang
2. <https://www.slideshare.net/slideshow/cc-yu-t-nh-hng-n-nh-khi-nghip-ca-sinh-vin/252230142>
3. https://scholar.google.com.vn/scholar?q=%C3%BD+%C4%91%E1%BB%8Bnh+kh%E1%BB%9Fi+ngghi%E1%BB%87p+c%E1%BB%A7a+sinh+vi%C3%AA+n+kh%E1%BB%91i+ng%C3%A0nh+kinh+t%E1%BA%BF&hl=vi&as_sdt=0&as_vis=1&oi=scholar
4. <https://tapchicongthuong.vn/cac-yeu-to-tac-dong-den-y-dinh-khoi-nghiep-cua-sinh-vien-khoi-nganh-kinh-te--dai-hoc-hue-108146.htm>

5. <https://dainam.edu.vn/vi/khoa-thuong-mai-dien-tu-va-kinh-te-so/tin-tuc/nhung-dieu-can-biet-ve-nganh-kinh-te-so-truong-dai-hoc-dai-nam>

6.

https://hvn.edu.vn/medias/tapchi/vi/02.2022/system/archivedate/4535f23c_B%C3%A0i%20c%E1%BB%A7a%20T%C3%A1c%20gi%E1%BA%A3%20Tr%C6%B0%C6%A1ng%20H%C3%A0ng%20Di%E1%BB%87p%20H%C6%B0%C6%A1ng,%20Ph%E1%BA%A1m%20C4%90%E1%BB%A9c%20Hi%E1%BB%83n,%20Tr%E1%BA%A7n%20Ng%E1%BB%8Dc%20L%C3%A2m,%20NGuy%E1%BB%85n%20Th%C3%A0nh%20Th%C3%A1i,%20NGuy%E1%BB%85n%20Th%E1%BB%8B%20Thu%20H%C6%B0%E1%BB%9Dng.pdf

Phụ lục dữ liệu

1. Thống kê mẫu khảo sát
2. Phân tích EFA
3. Kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha
 - 3.1. Kiểm định độ tin cậy của thang đo ...
 - 3.2. ...
4. Thống kê mô tả
 - 4.1. Thống kê thang đo ...
 - 4.2. ...
5. Phân tích hồi quy tuyến tính